

KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BẰNG METHADONE Ở NGƯỜI NGHIỆN CHÍCH MA TÚY TẠI QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2010-2014

Đình Thanh Nam^{1*}, Đỗ Mai Hoa² và Dáp Thanh Giang¹

¹Trung tâm Phòng, Chống HIV/AIDS Cần Thơ

²Trường Đại học Y tế Công cộng Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu có mục tiêu tổng hợp kết quả điều trị bằng Methadone cho người nghiện chích ma túy tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ từ lúc triển khai năm 2010 đến tháng 5/2014. Áp dụng thiết kế mô tả cắt ngang và hồi cứu số liệu bệnh án của bệnh nhân với cỡ mẫu 200 bệnh nhân đang uống Methadone tại Cơ sở Methadone quận Cái Răng, sử dụng phương pháp phỏng vấn theo bộ câu hỏi định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy sau thời gian điều trị 36 tháng, số bệnh nhân sử dụng heroin giảm mạnh khi tỷ lệ bệnh nhân có heroin trong nước tiểu chỉ còn 3,5%; Cân nặng trung bình tăng 2,3kg (từ 55,6kg lên 57,9kg); tình trạng việc làm được cải thiện (số bệnh nhân thất nghiệp giảm từ 48,5% trước điều trị xuống 25,5% sau điều trị 36 tháng). Kết quả này đã chứng tỏ liệu pháp điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone đã mang lại hiệu quả tích cực bằng việc giảm sử dụng heroin, cải thiện sức khỏe về mặt thể chất và công ăn việc làm ổn định hơn.

Từ khóa: Methadone, can thiệp, nghiện chích ma túy và HIV.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ những năm 1996, Việt Nam đã bắt đầu triển khai các chương trình can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV cho những người nghiện chích ma túy (NCMT). Nhiều mô hình đã được chứng minh tính hiệu quả trên thế giới và khu vực Đông Nam Á đã được áp dụng vào Việt Nam. Bên cạnh những mô hình truyền thống thì chương trình điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện (CDTP) bằng thuốc Methadone cũng đã được chứng minh tính hiệu quả trong việc giảm thiểu những tác hại có liên quan đến việc sử dụng ma túy [1].

Điều trị thay thế bằng Methadone sẽ theo dõi được thường xuyên tình trạng sức khỏe của bệnh nhân, điều trị kịp thời các bệnh nhiễm trùng cơ hội cũng như các bệnh khác có liên quan đến việc sử dụng các CDTP, tăng cường sức khỏe của bệnh nhân, từ đó có tác động giảm bớt gánh nặng chi phí cho gia đình bệnh nhân và xã hội, tạo điều kiện cho họ quay trở về với

cuộc sống bình thường, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng. Bên cạnh đó, các hành vi phạm tội có liên quan tới ma túy sẽ giảm bớt do người bệnh không quá bức xúc về vấn đề kinh tế để có tiền mua ma túy, từ đó tình hình trật tự, an toàn xã hội phần nào được cải thiện tốt hơn [2].

Chương trình điều trị nghiện các CDTP bằng thuốc Methadone tại thành phố Cần Thơ được triển khai từ tháng 6/2010. Cơ sở điều trị Methadone tại quận Cái Răng được triển khai cùng thời gian này với mục đích: Giảm sử dụng các CDTP bất hợp pháp, giảm tỷ lệ tiêm chích CDTP; Giảm tác hại do nghiện các CDTP gây ra; Cải thiện sức khỏe cá nhân và cộng đồng, giúp người nghiện duy trì việc làm, ổn định cuộc sống lâu dài, tăng sức sản xuất của xã hội [3].

Từ khi bắt đầu triển khai cho đến nay, chưa có một nghiên cứu nào được tiến hành để biết được hiệu quả của Chương trình điều trị nghiện các CDTP bằng thuốc Methadone tại thành phố

*Tác giả: Đình Thanh Nam

Địa chỉ: Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS Cần Thơ

Điện thoại: 0907157733,

Email: dinh.thanhnam@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 03/08/2015

Ngày phản biện: 09/10/2015

Ngày đăng bài: 10/11/2015

Cần Thơ và quận Cái Răng. Việc thu thập số liệu và công bố những bằng chứng thực tiễn về kết quả của Chương trình này là hết sức cần thiết để xem xét về những kết quả đã đạt được từ Chương trình. Vì vậy chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài “Kết quả điều trị bằng Methadone ở người nghiện chích ma túy tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2010 - 2014”. Với mục tiêu tổng hợp kết quả điều trị bằng thuốc Methadone ở người NCMT bao gồm tình trạng sử dụng heroin, sự thay đổi thể trạng (cân nặng) và việc làm sau thời gian điều trị. Kết quả từ nghiên cứu này nhằm giúp Chương trình phòng, chống HIV/AIDS tại Cần Thơ biết được hiệu quả can thiệp bằng Methadone cho người NCMT là như thế nào để tiếp tục và mở rộng Chương trình điều trị Methadone cho người NCMT tại Cần Thơ.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Thiết kế nghiên cứu và chọn mẫu

Sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang và hồi cứu số liệu để tổng hợp kết quả điều trị Methadone ở người NCMT tại quận Cái Răng thành phố Cần Thơ từ năm 2010 đến tháng 5/2014.

Cỡ mẫu gồm 200 bệnh nhân đang điều trị tại cơ sở Methadone quận Cái Răng.

Sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ đáp ứng đủ tiêu chuẩn bệnh nhân đang điều trị tại cơ sở Methadone Cái Răng tại thời điểm nghiên cứu, có đầy đủ hồ sơ bệnh án và có thời gian điều trị từ 6 tháng trở lên.

2.2 Thu thập thông tin

Từ tháng 3 đến tháng 5/2014 thu thập thông tin bằng phương pháp hồi cứu dựa trên các thông tin ghi chép quá trình điều trị và phỏng vấn bệnh nhân trên bộ câu hỏi.

Công cụ thu thập thông tin: sử dụng bảng thu thập thông tin từ hồ sơ bệnh án và phỏng vấn bệnh nhân dựa trên bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

Thông tin thu thập gồm có tần suất tiêm chích ma túy và tìm thấy heroin trong nước tiểu, sự thay đổi thể trọng cơ thể và tình trạng việc làm của bệnh nhân trước và sau thời gian tham gia điều trị.

Trong tổng số 210 hồ sơ của đối tượng đang điều trị tại cơ sở Methadone quận Cái Răng, có 200 đối tượng có hồ sơ đạt yêu cầu.

2.3 Phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm thống kê SPSS 13.0 để phân tích số liệu. Các thống kê mô tả được sử dụng như trung bình, tần suất và tỷ lệ phần trăm.

2.4 Vấn đề y đức

Nghiên cứu được sự đồng ý của Hội đồng Y đức của Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS thành phố Cần Thơ.

Phỏng vấn được sự đồng ý của đối tượng gia nghiên cứu và mọi thông tin của đối tượng nghiên cứu đều được giữ bí mật.

III. KẾT QUẢ

3.1 Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Một số đặc trưng cơ bản về nhóm nghiên cứu

Đặc điểm		N (%)
Giới tính	Nam	187 (93,5)
	Nữ	13 (6,5)
Tuổi	Dưới 25	13 (6,5)
	25 đến dưới 30	60 (30)
	30 đến dưới 35	86 (43)
	35 đến dưới 40	22 (11)
	40 trở lên	19 (9,5)
Trình độ học vấn	Mù chữ	6 (3)
	Tiểu học	44 (22)
	Trung học cơ sở	94 (47)
	Trung học phổ thông	49 (24,5)
	Trung cấp chuyên nghiệp trở lên	7 (3,5)
Tình trạng hôn nhân	Hiện độc thân	70 (35)
	Có gia đình (vợ hoặc chồng)	83 (41,5)
	Ly thân	14 (7)
	Ly dị	7 (3,5)
	Sống chung với người yêu	26 (13)
Thời gian sử dụng ma túy trước điều trị	< 1 năm	1 (0,5)
	1 – 5 năm	4 (2,0)
	Trên 5 năm	195 (97,5)
Tần suất sử dụng ma túy trước điều trị	ít hơn 1 lần/ngày	6 (3,0)
	1 lần/ngày	1 (0,5)
	2 – 3 lần/ngày	153 (76,5)
	≥ 4 lần/ngày	40 (20,0)
Tình trạng việc làm trước điều trị	Thất nghiệp đang tìm việc	61 (30,5)
	Thất nghiệp không tìm việc	36 (18,0)
	Làm việc bán thời gian	8 (4,0)
	Làm việc cho gia đình	35 (17,5)
	Có công ăn việc làm ổn định	60 (30,0)
Tình trạng HIV của bệnh nhân	HIV dương tính	59 (29,5)
	HIV âm tính	141 (70,5)
Thời gian điều trị	6 – < 12 tháng	8 (3,8)
	12 – < 24 tháng	22 (10,5)
	24 – < 36 tháng	121 (57,6)
	≥ 36 tháng	49 (23,3)

Trong tổng số 200 bệnh nhân được chọn vào nghiên cứu, bệnh nhân nam vẫn là chủ yếu (93,5%). Nhóm tuổi 25 đến dưới 35 chiếm đa số (73%), trung bình $31,8 \pm 6,3$, lớn nhất 64 và nhỏ nhất 20. Bệnh nhân đang có gia đình chiếm tỷ lệ lớn nhất (41,5%), nhóm độc thân 35% và nhóm ly thân, ly dị 10,5%. Gần một nửa đối tượng nghiên

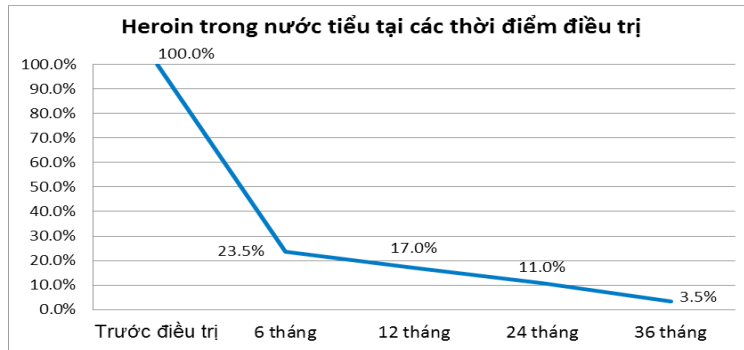
cứu có trình độ học vấn là trung học cơ sở (47%), tỷ lệ mù chữ chiếm 3%. Gần như toàn bộ bệnh nhân đều có thời gian sử dụng ma túy trên 5 năm, thời gian sử dụng ma túy trung bình $11,4 \pm 5,2$, thấp nhất dưới 1 năm và cao nhất 46,2 năm.

Trước khi điều trị, đa số bệnh nhân sử dụng

2-3 lần/ngày (76,5%). Gần một nửa đối tượng nghiên cứu trước điều trị là thất nghiệp và chưa có việc làm ổn định (48,5%). Tất cả bệnh nhân khi tham gia điều trị đều được làm xét nghiệm HIV, tỷ lệ bệnh nhân có tình trạng HIV dương tính là 29,5%. Nhóm có thời gian điều trị từ 6 đến dưới 12 tháng 3,8%, nhóm từ 12 đến dưới

24 tháng 10,5%, nhóm từ 24 đến dưới 36 tháng là nhiều nhất (57,6%) và nhóm duy trì điều trị từ ngày khai trương cơ sở đến thời điểm nghiên cứu (trên 36 tháng) chiếm 23,3%.

3.2 Kết quả can thiệp điều trị bằng Methadone ở người nghiện chích ma túy



Hình 1. Heroin trong nước tiểu tại các thời điểm điều trị

Kết quả theo dõi xét nghiệm nước tiểu tìm Heroin của 200 bệnh nhân được chọn vào nghiên cứu tại cơ sở điều trị Methadone quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đã cho thấy trước điều trị, tất cả 100% bệnh nhân đều có sử dụng ma túy. Sau thời gian điều trị 6 tháng, 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng điều trị, tỷ lệ bệnh nhân có Heroin trong nước tiểu giảm dần còn 23,5%, 17%, 11% và còn 3,5% tại thời điểm 36 tháng trở đi.

Trọng lượng cơ thể trung bình của bệnh nhân trước điều trị là 55,6kg và trọng lượng này đã tăng dần theo thời gian và đã tăng lên 57,9kg sau thời gian điều trị 36 tháng. Như vậy, trọng lượng trung bình của bệnh nhân tăng được 2,3 kg.

Trước khi tham gia điều trị, có 48,5% bệnh nhân thất nghiệp. Sau thời gian tham gia điều trị 36 tháng, tỷ lệ bệnh nhân thất nghiệp giảm xuống còn 25,5%.

IV. BÀN LUẬN

Sau thời gian điều trị 6 tháng, 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng điều trị, tỷ lệ bệnh nhân có

Heroin trong nước tiểu giảm dần còn 23,5%, 17%, 11% và còn 3,5% tại thời điểm 36 tháng. Kết quả này đã tương đồng với nghiên cứu điều trị thay thế bằng Methadone trên bệnh nhân nghiện Heroin tại thành phố Hồ Chí Minh sau 03 năm theo dõi (2008-2011) của Trần Thịnh khi sau 03 tháng đầu tiên điều trị Methadone, tỷ lệ bệnh nhân xét nghiệm Heroin trong nước tiểu có kết quả dương tính đã giảm xuống còn 82%, sau 9-12 tháng điều trị Methadone kết quả Heroin dương tính trong nước tiểu bệnh nhân đã sụt giảm rất mạnh còn 25-28%, sau 02 và 03 năm tỷ lệ Heroin dương tính trong nước tiểu tiếp tục giảm tương ứng xuống còn 15% năm thứ 2 và 10% năm thứ 3 trở đi [4]. Điều này minh chứng cho hiệu quả của liệu pháp Methadone đã giúp cho bệnh nhân giảm việc sử dụng Heroin rất nhiều, giúp bệnh nhân thay đổi hành vi nguy cơ cao liên quan đến sử dụng ma túy mà một số biện pháp can thiệp khác khó thực hiện.

Thể trạng của bệnh nhân có dấu hiệu tích cực khi trọng lượng trung bình của bệnh nhân đã tăng được 2,3 kg tại thời điểm điều trị 36 tháng so với trước khi tham gia điều trị. Kết quả này có cùng xu hướng với nghiên cứu của Trần Thịnh năm 2011 khi có 14,4% bệnh nhân

tăng cân sau một thời gian điều trị (trong đó có 75% bệnh nhân tăng từ 0-5kg và có đến 25% tăng cân trên 5kg), trong giai đoạn duy trì có 85% bệnh nhân tăng cân (trong đó 56,1% tăng từ 0-5kg và có 29,5% tăng trên 5kg) [4]. Mặc dù kết quả này còn khiêm tốn so với nghiên cứu của Cao Kim Vân thực hiện để đánh giá kết quả điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone năm 2010, theo kết quả đó cân nặng trung bình của bệnh nhân tăng sau thời gian điều trị 12 tháng là 5-10kg [5]. Tuy nhiên kết quả này cũng chứng tỏ liệu pháp Methadone không những giúp bệnh nhân giảm sử dụng Heroin phòng tránh lây nhiễm HIV mà còn giúp bệnh nhân cải thiện sức khỏe về mặt thể chất.

Tình trạng việc làm của bệnh nhân đã được cải thiện so với trước khi tham gia điều trị được minh chứng khi có 48,5% bệnh nhân chưa có việc làm trước khi tham gia điều trị đã giảm xuống còn 25,5% sau thời gian tham gia điều trị 36 tháng. Kết quả này cho ta thấy hiệu quả mang lại của chương trình đối với người bệnh không những giúp cho bệnh nhân phòng tránh lây nhiễm HIV do sử dụng Methadone qua đường uống mà còn cải thiện về mặt thể chất và tinh thần, trên cơ sở đó sẽ giúp cho bệnh nhân cải thiện tình trạng việc làm, giúp cải thiện đời sống nâng cao chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân.

Một hạn chế trong nghiên cứu này do chưa có nhóm đối chứng để so sánh mà chỉ căn cứ vào thông tin hồi cứu quá trình điều trị trên nhóm bệnh nhân để so sánh hiệu quả.

V. KẾT LUẬN

Liệu pháp điều trị Methadone tại quận Cái Răng bước đầu cho thấy hiệu quả sau thời gian điều trị 36 tháng, cụ thể bệnh nhân đã giảm đáng kể việc sử dụng Heroin khi tỷ lệ bệnh nhân có heroin trong nước tiểu đã giảm từ 100% xuống chỉ còn 3,5%, bệnh nhân đã cải thiện được thể trạng khi cân nặng trung bình của bệnh nhân đã tăng 2,3kg (từ 55,6kg lên 57,9%) và cải thiện tình trạng việc làm khi tỷ lệ thất nghiệp giảm (trước điều trị có đến 48,5% bệnh nhân chưa có việc làm giảm xuống còn 25,5% sau thời gian điều trị 36 tháng).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2009), Đánh giá hiệu quả triển khai thí điểm điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại Việt Nam.
2. Bộ Y tế (2010), Đánh giá hiệu quả triển khai thí điểm điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại Việt Nam.
3. Bộ Y tế (2008), Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone và hướng dẫn tổ chức thực hiện.
4. Trần Thịnh (2011), Kết quả điều trị bằng Methadone trên bệnh nhân nghiện Heroin tại thành phố Hồ Chí Minh sau 03 năm theo dõi 2008 - 2011, Trường Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh.
5. Cao Kim Vân và cộng sự (2010), Kết quả điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại phòng khám ngoại trú Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Y học thực hành 2010, 742-743:243-244.

THE RESULTS OF TREATMENT WITH METHADONE FOR IDUS IN CAI RANG DISTRICT, CAN THO CITY 2010-2014

Đinh Thanh Nam¹, Đỗ Mai Hoa² và Dáp Thanh Giang¹

¹*Can Tho HIV/AIDS Prevention Center*

²*Hanoi School of Public Health*

The study was undertaken to synthesize the results of treatment with Methadone for IDUs in Cai Rang district, Can Tho city since 2010 to 5/2014. Application of a cross-sectional descriptive design and retrospective clinical data of patients with a sample size of 200 patients taking Methadone in Cai Rang district, using interview method according to the quantitative questionnaire. The study results showed that, after 36 months treatment period, patients with heroin in urine has plummeted (only 3,5%);

The average weight increase of 2,3 kg (from 55,6kg up 57,9kg); employment situation be improved (number of unemployment patients decreased from 48.5% to 25.5% after 36 months of treatment). The results showed that alternative treatment the opiate by Methadone has brought positive results by reducing heroin use, improved physical health and job is more stable.

Keywords: Methadone, intervention, drug injecting and HIV